

等 別：普通考試
類 科：外語導遊人員（越南語）
科 目：外國語（越南語）
考試時間：1 小時 20 分

座號：_____

※注意：(一)本試題為單一選擇題，請選出一個正確或最適當的答案，複選作答者，該題不予計分。
(二)本科目共 80 題，每題 1.25 分，須用 2B 鉛筆在試卡上依題號清楚劃記，於本試題上作答者，不予計分。
(三)禁止使用電子計算器。

- 1 要請問一位剛認識的外國朋友他是那國人，我們應該怎麼問：
(A) Anh là người nào ? (B) Chị là người nào ?
(C) Chị là người nước gì ? (D) Anh là người nước nào ?
- 2 如果想問「請問，妳需要我幫什麼忙嗎？」，我們該怎麼說：
(A) Xin hỏi, chị cần giúp tôi không ? (B) Xin hỏi, chị có cần tôi giúp gì không ?
(C) Xin hỏi, chị có tôi giúp gì không ? (D) Xin hỏi, chị có cần tôi giúp gì không ?
- 3 導遊人員請遊客一個小時自由活動後再回到原處，他這樣說的：
(A) Chúng ta có một giờ đồng hồ tự do đi lại, sau đó xin quý khách tập trung trở lại vị trí này.
(B) Chúng ta có một giờ đồng hồ tự do đi lại, sau đó xin quý khách tập trung trở lại.
(C) Chúng ta có một giờ đồng hồ, sau đó xin quý khách tập trung trở lại vị trí này.
(D) Chúng ta có tự do đi lại, sau đó xin quý khách tập trung trở lại.
- 4 導遊人員為遊客介紹這是此地最出名的風景區，他該怎麼說？
(A) Đây là khu du lịch nổi tiếng nhất ở đây. (B) Đây là ở đây khu du lịch nổi tiếng nhất.
(C) Ở đây khu du lịch nổi tiếng nhất đây là. (D) Khu du lịch nổi tiếng nhất đây là ở đây.
- 5 請他人注意人身安全時，我們該怎麼說？
(A) Xin chú ý bản thân ! (B) Hãy chú ý an toàn !
(C) Xin chú ý an toàn cá nhân ! (D) Xin chú ý cá nhân bản thân !
- 6 當導遊人員想要求遊客準時在飯店門口集合，他該怎麼說？
(A) Xin quý khách tập trung đúng giờ trước cửa khách sạn !
(B) Xin trước cửa khách sạn quý khách tập trung đúng giờ !
(C) Xin trước cửa quý khách khách sạn tập trung đúng giờ !
(D) Xin trước cửa khách sạn tập trung đúng giờ quý khách !
- 7 導遊人員想提醒遊客下車之前請注意個人物品，他該怎麼說？
(A) Khi xuống xe, xin quý khách chú ý cá nhân !
(B) Trước khi xuống xe, khách chú ý vật dụng cá nhân !
(C) Trước khi xe, xin quý khách chú ý vật dụng cá nhân !
(D) Trước khi xuống xe, xin quý khách chú ý vật dụng cá nhân !

- 8 當我們很客氣地請遊客稍等時，以下那一種說法是最有禮貌？
(A) Xin chờ trong giây lát ! (B) Xin quý khách vui lòng chờ trong giây lát !
(C) Xin quý khách chờ tôi trong giây lát ! (D) Xin quý khách chờ tôi !
- 9 當我們想說明『如果遊客有什麼需要請告知』時，我們應該怎麼說？
(A) Nếu quý khách cần gì, xin nói cho tôi biết. (B) Nếu quý khách cần gì, xin tôi nói cho biết.
(C) Nếu quý khách không cần gì, xin tôi nói cho biết. (D) Nếu quý khách cần gì, xin tôi không nói cho biết.
- 10 _____ mùa xuân thời tiết ở đây rất mát mẻ.
(A) Ở (B) Vào (C) Vào lúc (D) Khi
- 11 Chúng ta phải _____ 30 phút để đi bộ lên núi Dương Minh.
(A) tiêu (B) mất (C) bỏ (D) chạy
- 12 Chúng ta sẽ lên núi Dương Minh _____ xe buýt.
(A) đi (B) ngồi (C) bằng (D) chạy
- 13 Thời gian khởi hành của đoàn _____ 7h30' sáng.
(A) lúc (B) vào (C) ở (D) khi
- 14 Nhà vệ sinh _____ ở phía tay trái.
(A) ngồi (B) chiếm (C) nằm (D) đứng
- 15 Xin hỏi ở đây _____ nhà vệ sinh không ?
(A) có (B) chưa có (C) chưa (D) có chưa
- 16 Khi đi du lịch, _____ xe buýt có phục vụ nước uống miễn phí.
(A) tại (B) ở (C) trên (D) lên
- 17 _____ khởi hành xin quý khách kiểm tra lại hành lý và giấy tờ tùy thân.
(A) Trước khi (B) Trước (C) Khi (D) Tại
- 18 Khu vực _____ không thích hợp mua sắm.
(A) đây (B) này (C) là (D) ở
- 19 _____ là khu vực bán hàng lưu niệm và đặc sản.
(A) Đây (B) Họ (C) Đây (D) Có
- 20 Khi nào anh sẽ đi Cao Hùng du lịch ?
(A) Tối qua. (B) Hôm qua. (C) Một ngày. (D) Ngày mai.
- 21 Chúng tôi phải chờ ở đây bao lâu ?
(A) Ngày 1. (B) Sáng mai. (C) Ngày mai. (D) 1 ngày.
- 22 Cái này bao nhiêu tiền ?
(A) 100 tiền. (B) 100 tiền Đài tệ. (C) 100 Đài tệ. (D) 100 Đài tiền.
- 23 Anh đã đi Đài Trung chơi chưa ?
(A) Chưa rồi. (B) Rồi chưa. (C) Chưa. (D) Đã.

- 24 Họ đã đăng ký lên máy bay khi nào ?
(A) Ngày mai. (B) Ngày mốt. (C) Trước đây 20 phút. (D) 20 phút nữa.
- 25 Xin hỏi chị muốn uống gì ?
(A) Uống. (B) Muốn. (C) Có. (D) Cà phê.
- 26 Xin hỏi nhà vệ sinh công cộng ở đâu ?
(A) Đây là. (B) Đó là. (C) Ở đằng kia. (D) Ở xa.
- 27 Giá cả ở cửa hàng này thế nào ?
(A) Rất ngắn. (B) Rất nhỏ. (C) Rất dài. (D) Rất hợp lý.
- 28 Tại sao anh không giới thiệu chúng tôi mua sắm ở khu vực này ?
(A) Vì vậy khu vực này giá cả rất đắt. (B) Vì khu vực này giá cả đắt hơn.
(C) Vậy khu vực này giá cả đắt hơn. (D) Vì vậy mà khu vực này giá cả rất đắt.
- 29 Rất nhiều người cho rằng khí hậu ở Đài Bắc không tốt lắm, vì so với Đài Trung thì khí hậu ở Đài Bắc :
(A) vào mùa đông mưa nhiều và lạnh hơn. (B) vào mùa đông mưa không nhiều lắm.
(C) vào mùa đông thời tiết không lạnh lắm. (D) vào mùa đông không mưa nhưng lạnh lắm.
- 30 Thành phố Cao Hùng là thành phố công nghiệp phát triển, nơi đây tập trung nhiều :
(A) ngân hàng Mỹ. (B) nhà hàng Việt Nam. (C) máy bay. (D) nhà máy.
- 31 Địa hình của Đài Loan có nhiều đồi núi, núi Ngọc Sơn được xem là hòn núi :
(A) nhỏ nhất ở Đài Loan. (B) thấp nhất ở Đài Loan. (C) cao nhất ở Đài Loan. (D) dài nhất ở Đài Loan.
- 32 Hiện nay Đài Loan có rất nhiều người di dân mới từ Đông Nam Á đến đây sinh sống, họ chủ yếu là :
(A) trẻ em. (B) phụ nữ. (C) đàn ông. (D) người già.
- 33 Nói đến Đầm Nhật Nguyệt có lẽ không ai không biết đến khu du lịch nổi tiếng này, Đầm Nhật Nguyệt ở :
(A) huyện Gia Nghĩa. (B) thành phố Đài Nam. (C) thành phố Cao Hùng. (D) huyện Nam Đầu.
- 34 Ở Đài Loan ngôn ngữ chủ yếu được dùng trong các cơ quan hành chính là :
(A) tiếng Hẹ. (B) tiếng Việt Nam. (C) tiếng Trung. (D) tiếng Đài.
- 35 Có người đi vội vàng và không cẩn thận va vào người của bạn, họ thường sẽ nói gì ?
(A) Xin cảm ơn. (B) Xin lỗi. (C) Xin chào. (D) Xin vui lòng.
- 36 Khi chúng ta gặp người mới quen biết, thông thường chúng ta sẽ nói gì ?
(A) Xin chào ông ! Rất hân hạnh được gặp ông ! (B) Chào tạm biệt ! Rất hân hạnh được gặp ông !
(C) Hẹn gặp lại ! Rất hân hạnh được gặp ông ! (D) Hẹn gặp lại ! Được gặp ông rất hân hạnh !
- 37 Khi có một người nào đó cảm ơn chúng ta, chúng ta thường đáp lại thế nào ?
(A) Đừng ngại. (B) Đừng khách sáo. (C) Đừng cảm ơn. (D) Đừng cảm tạ.
- 38 Khi bạn hỏi tuổi tác một người lớn, bạn nên hỏi như thế nào thì được xem là lịch sự và lễ phép ?
(A) Xin hỏi anh mấy tuổi ? (B) Xin hỏi mấy tuổi ?
(C) Xin hỏi bao nhiêu tuổi ? (D) Xin hỏi anh bao nhiêu tuổi ?

- 39 Khi chúng ta muốn người khác hiểu rằng không được hút thuốc ở đây, chúng ta nên yêu cầu họ thế nào ?
(A) Không hút thuốc. (B) Hãy hút thuốc ở đây !
(C) Xin hút thuốc ở đây ! (D) Xin đừng hút thuốc ở đây !
- 40 Khi chúng ta đến muộn(đến trễ), chúng ta nên nói như thế nào thì lịch sự và lễ phép ?
(A) Xin cảm ơn, tôi đã đến muộn. (B) Xin hỏi, tôi đã đến muộn.
(C) Xin lỗi, tôi đã đến muộn. (D) Xin chào, tôi đã đến muộn.
- 41 Khi người khác làm việc gì đó cho chúng ta, chúng ta nên nói với họ :
(A) Xin lỗi chị. (B) Xin cảm ơn chị ! (C) Xin chào chị ! (D) Xin hỏi chị.
- 42 Xin anh cho biết chúng tôi sẽ tập trung ở đây lúc mấy giờ ?
(A) Chúng ta sẽ tập trung ở đây lúc 1 giờ 50 phút. (B) Chúng ta sẽ tập trung ở đây 1 giờ đồng hồ.
(C) Chúng ta sẽ tập trung ở đây vào 1 giờ 50 phút. (D) Chúng ta sẽ tập trung ở đây lúc 1 giờ đồng hồ.
- 43 Anh nên uống nhiều nước, nghỉ ngơi và uống thuốc đúng giờ.
(A) Dạ, Không sao đâu. (B) Dạ, xin cảm ơn bác sĩ !
(C) Dạ, Không hề gì. (D) Dạ, Không có gì.
- 44 Thật ngại quá ! Trong công việc anh luôn luôn giúp tôi.
(A) Chị đừng khách sáo, được giúp chị tôi rất vui. (B) Chị đừng buồn, không sao đâu.
(C) Chị đừng buồn, không có chi. (D) Chị đừng ngại nữa.
- 45 Xin hỏi chị thích uống cà phê hay là trà ?
(A) Tôi chưa uống. (B) Tôi thích uống. (C) Tôi muốn uống. (D) Cả hai đều thích.
- 46 Xin anh đừng xem nhẹ việc này.
(A) Xin cảm ơn chị, chuyện của tôi. (B) Xin cảm ơn chị, tôi sẽ chú ý nhiều hơn.
(C) Xin cảm ơn chị, không có gì. (D) Xin cảm ơn chị, không có chuyện gì.
- 47 Chị cảm thấy không khỏe chỗ nào ?
(A) Dạ, tôi không khỏe. (B) Dạ, tôi cảm thấy hơi khỏe.
(C) Dạ, tôi cảm thấy nhưc đầu. (D) Dạ, tôi khỏe lắm.
- 48 Xin hỏi ông làm nghề gì ?
(A) Tôi làm nghề tự do. (B) Tôi không làm nghề.
(C) Tôi có làm nghề. (D) Tôi rất tự do.
- 49 Cho tôi hỏi thăm cha mẹ của chị.
(A) Không có gì đâu ! (B) Đừng khách sáo !
(C) Xin cảm ơn anh rất nhiều ! (D) Cảm phiền anh quá !
- 50 Xin chị hãy chú ý, khu vực này rất nguy hiểm.
(A) Cảm ơn anh, tôi sẽ nguy hiểm. (B) Cảm ơn anh, tôi sợ nguy hiểm.
(C) Cảm ơn anh, tôi sẽ cẩn thận chú ý. (D) Cảm ơn anh, tôi sẽ cẩn thận nguy hiểm.

- 51 Từ thành phố Đài Bắc đi Cao Hùng bằng tàu cao tốc mất bao nhiêu phút ?
(A) Dạ, mất khoảng 90 phút. (B) Dạ, bây giờ là 2 giờ 25 phút.
(C) Dạ, làm mất thời gian của tôi. (D) Dạ, không mất thời gian.
- 52 請問『Không ai hiểu tôi bằng anh ấy.』意思指的是：
(A) Anh ấy là người hiểu tôi nhất. (B) Không có ai hiểu tôi cả.
(C) Anh ấy không hiểu ai cả. (D) Anh ấy muốn ai hiểu tôi ?
- 53 請問『Mẹ của tôi chưa bao giờ đi Việt nam chơi.』意思指的是：
(A) Mẹ của tôi không muốn đi Việt Nam.
(B) Trước đây mẹ của tôi đã đi Việt Nam, bây giờ chưa có dịp đi.
(C) Từ trước đến nay mẹ của tôi chưa đi Việt Nam chơi.
(D) Mẹ của tôi chưa muốn đi Việt Nam.
- 54 請問『Anh ấy không bao giờ ăn thịt bò.』意思指的是：
(A) Anh ấy tuyệt đối không ăn thịt bò.
(B) Trước đây anh ấy không ăn thịt bò, nếu có dịp anh ấy sẽ ăn thử.
(C) Trước đây anh ấy không ăn thịt bò, bây giờ muốn ăn.
(D) Anh ấy không muốn ăn thịt bò.
- 55 請問『Nghe đâu anh ấy đã đi Việt Nam làm việc rồi.』意思指的是：
(A) Nghe anh ấy nói anh ấy sẽ đi Việt Nam làm việc.
(B) Nghe anh ấy nói anh ấy đã đi Việt Nam làm việc.
(C) Anh ấy thích đi Việt Nam làm việc.
(D) Có ai đó cho biết anh ấy đã đi Việt Nam làm việc rồi.
- 56 請問『Thời tiết ở Đài Bắc lúc nóng lúc lạnh, làm cho mẹ rất khó chịu.』意思指的是：
(A) Thời tiết ở Đài Bắc rất lạnh, làm cho mẹ rất khó chịu.
(B) Thời tiết ở Đài Bắc không ổn định, làm cho mẹ rất khó chịu.
(C) Thời tiết ở Đài Bắc rất nóng, làm cho mẹ rất khó chịu.
(D) Thời tiết ở Đài Bắc rất ổn định, làm cho mẹ không khó chịu.
- 57 請問『Cả ngày hôm nay chị ấy không ăn gì cả.』意思指的是：
(A) Cả ngày hôm nay chị ấy không ăn bất cứ cái gì.
(B) Cả ngày hôm nay chị ấy chỉ muốn ăn.
(C) Cả ngày hôm nay chị ấy không ăn cá.
(D) Cả ngày hôm nay chị ấy chỉ ăn cá.
- 58 請問『Ông ấy đi Đài Bắc chơi luôn tiện thăm bạn của ông ấy.』意思指的是：
(A) Bạn của ông ấy muốn đi Đài Bắc chơi.
(B) Ông ấy muốn đi Đài Bắc thăm bạn của ông ấy.
(C) Nhân dịp đi Đài Bắc chơi, ông ấy ghé thăm bạn ông ấy.
(D) Nhân dịp đi thăm bạn, ông ấy muốn đến Đài Bắc chơi.

- 59 請問『Ở đây cái gì cũng đắt tiền.』意思指的是：
- (A) Ở đây có một số đồ giá cả hơi cao. (B) Ở đây bất cứ cái gì giá cả đều rất cao.
(C) Ở đây bất cứ cái gì giá cả đều không cao. (D) Ở đây có một số đồ giá cả không cao.
- 60 _____ Đà Bắc thì thời tiết ở Đà Nam nóng hơn.
Phải, thời tiết ở Đà Nam rất nóng.
- (A) Ở (B) Thực ra (C) So với (D) Tại
- 61 Người đàn ông _____ đang nói chuyện với cô giáo là ba của tôi.
Ồ, ba của bạn cao thật !
- (A) có (B) mà (C) sự (D) như
- 62 Anh muốn uống cà phê Việt Nam không ?
_____ là muốn.
- (A) Đột nhiên (B) Tôi (C) Phải (D) Đương nhiên
- 63 Hôm nay mẹ có _____ phim cổ trang không ?
Không, hôm nay mẹ có việc bận.
- (A) đọc (B) xem (C) nhìn (D) thấy
- 64 Ông ấy _____ nói bao nhiêu thứ tiếng ?
Ông ấy biết 5 thứ tiếng.
- (A) thích (B) được (C) biết (D) muốn
- 65 Nghe nói anh ấy _____ đi Việt Nam du lịch rồi.
Phải, anh ấy sẽ đi Việt Nam du lịch với gia đình.
- (A) sắp (B) sẽ (C) đã (D) chưa

Nhiều người cho rằng món ăn Việt Nam rất ngon và tốt cho sức khỏe, vì món ăn Việt Nam luôn được ăn kèm với rau sống và không béo ngậy. Món ăn Việt Nam được chế biến rất công phu, người Việt Nam khi nấu ăn thường dùng gia vị nước mắm. Tuy là nhiều người cho rằng nước mắm có mùi tanh của cá, nhưng nếu không có nước mắm thì món ăn Việt Nam sẽ trở nên không ngon. Nước mắm được làm từ cá, vì vậy thành phần dinh dưỡng của nước mắm rất cần thiết cho con người. Nếu có dịp đến thành phố Đà Bắc bạn có thể thưởng thức các món ăn ngon Việt Nam tại những nhà hàng và tiệm ăn Việt Nam. Những món ăn Việt Nam mà được nhiều người yêu thích nhất là phở bò, mì gà, gỏi cuốn và chả giò chiên v...v.

- 66 Tại sao nhiều người cho rằng món ăn Việt Nam tốt cho sức khỏe ?
- (A) Tại vì món ăn Việt Nam béo ngậy.
(B) Tại vì món ăn Việt Nam rất ngon.
(C) Tại vì món ăn Việt Nam luôn được ăn kèm với rau sống và không béo ngậy.
(D) Tại vì món ăn Việt Nam được chế biến công phu.

- 67 Người Việt Nam thường dùng gia vị gì khi nấu ăn ?
(A) Nước tương. (B) Nước mắm. (C) Nước mía. (D) Nước trái cây.
- 68 Thành phần dinh dưỡng trong nước mắm chủ yếu là từ đâu ?
(A) Đậu. (B) Tôm. (C) Thịt. (D) Cá.
- 69 Tại sao ở thành phố Đà Bắc có thể ăn món ăn Việt Nam ?
(A) Tại vì ở thành phố Đà Bắc có nhiều nhà hàng và tiệm ăn Việt Nam.
(B) Tại vì người Đà Bắc thích ăn món ăn Việt Nam.
(C) Tại vì ở Đà Bắc có nhiều nhà hàng.
(D) Tại vì người Đà Bắc thích nhà hàng Việt Nam.
- 70 Món ăn Việt Nam nào được nhiều người yêu thích ?
(A) Cà phê. (B) Canh chua. (C) Phở bò. (D) Phở dê.

Thành phố Đà Bắc là một thành phố có đủ loại phương tiện giao thông tiện lợi và hiện đại. Khi sống ở thành phố Đà Bắc bạn có thể đi làm, đi học, hoặc đi chơi v...v bằng các phương tiện giao thông công cộng như xe buýt, xe điện ngầm, xe tắc xi, xe lửa hay tàu cao tốc. Các phương tiện giao thông này có một hệ thống phục vụ rất tốt và tiện nghi. Bạn có thể dùng thẻ EasyCard để trả tiền khi đi xe. Nếu bạn không muốn đi xe công cộng thì có thể thuê xe đạp để chạy trong thành phố, vừa tốt cho môi trường lại vừa tốt cho sức khỏe. Việc thuê xe đạp và hoàn trả xe hoàn toàn tự động, vì vậy sẽ không mất nhiều thời gian của bạn. Tuy nhiên người Đà Bắc cũng rất thích tự lái xe, vì vậy giao thông ở Đà Bắc đôi khi bị ùn tắc.

- 71 Các phương tiện giao thông ở thành phố Đà Bắc như thế nào ?
(A) Có nhiều phương tiện giao thông ở Đà Bắc.
(B) Phương tiện giao thông ở Đà Bắc có nhiều loại tiện lợi và hiện đại.
(C) Phương tiện giao thông ở Đà Bắc tiện lợi hơn.
(D) Phương tiện giao thông ở Đà Bắc hiện đại hơn.
- 72 Khi ở Đà Bắc bạn có thể sử dụng những phương tiện giao thông công cộng nào ?
(A) Bạn chỉ có thể sử dụng xe buýt và xe tắc xi.
(B) Bạn chỉ có thể sử dụng xe buýt và xe điện ngầm.
(C) Bạn chỉ có thể sử dụng xe điện ngầm, xe lửa và xe tắc xi.
(D) Bạn có thể sử dụng xe buýt, xe điện ngầm, xe tắc xi, xe lửa hay tàu cao tốc.
- 73 Ngoài các phương tiện giao thông công cộng bạn có thể thuê xe gì để đi lại trong thành phố ?
(A) Xe đạp. (B) Xe máy. (C) Xe xích lô. (D) Xe ô tô.

- 74 Đi xe đạp có ích lợi gì ?
- (A) Đi xe đạp có ích lợi, rất tốt cho môi trường.
 - (B) Đi xe đạp có ích lợi, rất tốt cho sức khỏe.
 - (C) Đi xe đạp vừa tốt cho môi trường lại vừa tốt cho sức khỏe.
 - (D) Đi xe đạp có ích lợi và tốt cho mọi người.

- 75 Tại sao giao thông ở Đài Bắc đôi khi ùn tắc ?
- (A) Tại vì xe công cộng quá nhiều.
 - (B) Tại vì xe cộ nhiều và nhiều người thích tự lái xe.
 - (C) Tại vì Đài Bắc quá nhỏ.
 - (D) Tại vì Đài Bắc quá nhiều người.

Trước đây mua sắm là một việc mà phụ nữ thường làm những khi rảnh rỗi. Ở Đài Loan việc mua sắm không chỉ dành riêng cho phụ nữ, ngày nay nam giới cũng rất thích đi mua sắm, họ thường đi mua sắm với người nhà vào ngày nghỉ hay những dịp lễ Tết. Ở Đài Loan có rất nhiều cửa hàng bách hoá, cửa hàng bán sỉ, siêu thị lớn nhỏ trong các thành phố lớn, người ta có nhiều sự lựa chọn trong việc mua sắm. Khi đi mua sắm bạn có thể trả tiền mặt, cà thẻ tín dụng, thẻ tiền mặt v...v, người phục vụ tại các cửa hàng bách hoá hay siêu thị luôn luôn niềm nở với bạn. Khi mua sắm tại những nơi này nếu bạn không hài lòng về một mặt hàng nào đó thì có thể trả lại hàng trong vòng 7 ngày đến 30 ngày tùy theo các hệ thống cửa hàng khác nhau.

- 76 Ngày nay việc mua sắm chỉ dành riêng cho phụ nữ phải không ?
- (A) Phải, chỉ có phụ nữ thích mua sắm.
 - (B) Không phải, ngày nay nam giới cũng thích đi mua sắm.
 - (C) Phải, phụ nữ chỉ thích mua sắm.
 - (D) Không phải, ngày nay phụ nữ thích nam giới mua sắm.
- 77 Cửa hàng bách hóa, cửa hàng bán sỉ thường có ở đâu tại Đài Loan ?
- (A) Các thành phố lớn.
 - (B) Các thành phố nhỏ.
 - (C) Các khu miền núi.
 - (D) Các khu hẻo lánh.
- 78 Khi mua sắm ở cửa hàng bách hóa, ngoài tiền mặt ra còn có thể thanh toán tiền bằng hình thức gì ?
- (A) Thẻ nhân viên.
 - (B) Thẻ điện thoại.
 - (C) Thẻ tín dụng.
 - (D) Thẻ ra vào cổng.
- 79 Thái độ của nhân viên tại các cửa hàng bách hóa, cửa hàng bán sỉ, siêu thị như thế nào ?
- (A) Họ rất hài lòng.
 - (B) Họ không hài lòng lắm.
 - (C) Họ không niềm nở lắm.
 - (D) Họ rất niềm nở.
- 80 Tùy theo các hệ thống cửa hàng khác nhau, nếu bạn không hài lòng về một mặt hàng nào đó thì có thể trả lại hàng trong vòng bao lâu ?
- (A) Trong vòng 3 ngày đến 20 ngày.
 - (B) Trong vòng 5 ngày đến 30 ngày.
 - (C) Trong vòng 7 ngày đến 30 ngày.
 - (D) Trong vòng 10 ngày đến 20 ngày.